TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 41/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-5-2023
V/v Ly hôn giữa
Chị L và anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Trọng Thanh
2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình.

Ngày 31-5-2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 03-4-2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-5-2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1976.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1972.

Đều ở địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện H, tỉnh Thái Bình.

(Chị L, anh T đều có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày: chị kết hôn với anh T là do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã T vào ngày 12/12/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 8/1995 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng không bảo ban được nhau trong cuộc sống làm ăn, thường xuyên cãi nhau, chị đã cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 6-2016 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về nuôi con chung: chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1995 và Nguyễn Tiến A, sinh năm 1999. Hiện nay 02 con đã trưởng thành đều đi xây dựng gia đình và tự lập về kinh tế, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung: chị

không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Về điều kiện, thời gian, địa điểm kết hôn như Chị L trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2016 thì em gái Chị L rủ vợ chồng vào tỉnh Nha Trang làm ăn, anh không đồng ý chỉ có Chị L vào Nha Trang làm ăn từ tháng 6/2016, vợ chồng sống xa nhau dẫn đến lạnh nhạt tình cảm, không quan tâm đến nhau. Nay Chị L xin ly hôn anh, anh hoàn toàn nhất trí. Về nuôi con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1995 và Nguyễn Tiến A, sinh năm 1999. Hiện nay 02 con đều đi xây dựng gia đình và tự lập về kinh tế, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Chị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh T, trú tại Thôn Q, xã T, huyện H. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thái Bình. Chị L, anh T đều có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và quyết định mở phiên tòa xét xử vắng mặt Chị L, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Chị L, anh T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 12/12/1994, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 8/1995 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, hay cãi cọ nhau. Vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng và sống ly thân từ tháng 6-2016 đến nay. Chị L, anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị L, anh T ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy cần xử cho ly hôn giữa Chị L và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con chung*: Chị L, anh T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1995 và Nguyễn Tiến A, sinh năm 1999, hiện nay các cháu đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, nên không xem xét giải quyết.

[4] *Về chia tài sản chung*: Chị L, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Về hôn nhân***: cho ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T.

2. ***Về nuôi con chung***: Chị L, anh T có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1995 và Nguyễn Tiến A, sinh năm 1999, hiện nay các cháu đã trưởng thành và tự lập về kinh tế, nên không xem xét giải quyết.

3. ***Về chia tài sản chung***: không xem xét giải quyết.

4. ***Về án phí***: Chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Nhài đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004084 ngày 03-4-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Thái Bình (Chị L đã nộp đủ tiền án phí).

5. ***Về quyền kháng cáo***: Chị L, anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA huyện H;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thị Nhàn